

Bản án số: **457/2021/HC-PT**

Ngày : 08/12/2021

*V/v khiếu kiện: Quyết định hành chính về  
quản lý đất đai*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**\* Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Phan Văn Yên

**Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại  
Thành phố Hồ Chí Minh

**Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham  
gia phiên tòa:** ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành  
phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án đã thụ lý số  
811/2020/TLPT-HC, ngày 29/12/2020 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính  
về quản lý đất đai”.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số  
21/2020/HC –ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 331/2021/QĐPT ngày 26 tháng 3  
năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các  
đương sự:

**\*Người khởi kiện:** bà **Phan Thị H**, sinh năm 1935 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 6/1, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm  
1963 (Có mặt)

Địa chỉ: 145A khu phố 1, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre

**\*Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Địa chỉ: Số 7 - Cách Mạng Tháng 8, Phường 3, Thành phố B, Tỉnh Bến Tre.  
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Đặng Thị X, sinh năm 1936

Địa chỉ: 20/2 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2/ Ông Lê Hồng M, sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre

Đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị X và ông Lê Hồng M là bà Nguyễn Ngọc Diễm H (Có mặt)

3/ Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

4/ Trường tiểu học Tân Phong, huyện T, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

5/ Ủy ban nhân dân tỉnh B (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Người làm chứng**

Bà Đặng Kim H, sinh năm 1945 (Tòa án không triệu tập)

Địa chỉ: 49 lô H khu phố 3, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện – bà Nguyễn Thị Hồng Th trình bày:*

Cha bà Phan Thị H là ông Hồ Văn Ng (1901-1991), có miếng đất ruộng 0,2 ha (theo đo đạc trước đây) thuộc thửa 0363M, mã số 434-07-09 Bảng khoán cũ được lập vào năm 1971 tọa lạc tại xã Đ, quận H, tỉnh Kiến Hoà, nay là xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, có chiều dài từ huyện lộ 24 đến kinh Kháng Chiến, cha bà chia cho 03 Chị em như sau: Từ kinh Kháng Chiến trở lên cho em bà là ông Hồ Văn T khoảng 300m<sup>2</sup>; cho bà khoảng 900m<sup>2</sup>, phần còn lại mặt tiền giáp huyện lộ 24 cho em bà là bà Phan Thị B khoảng 1.200m<sup>2</sup>. Việc phân chia là nói miệng chứ chưa cất bằng khoán.

Năm 1978 thấy bà Đặng Kim H hồi hương về không có đất ở, cha bà cho bà H (cho miệng chứ không viết giấy tờ gì) cất nhà không kiên cố trên phần đất của bà Phan Thị B ngang 5m, dài 15m, diện tích còn lại bà B cấy lúa. Năm 1981 do làm ăn khó khăn bà H đi làm ăn xa, giao nhà cho chị là bà Đặng Kim X để trừ nợ, bà X về ở trên phần đất của bà H nên cha và em B không nói gì. Năm 1984 nhà

nước trưng dụng đất của bà Phan Thị B làm trường học kể cả diện tích 75m<sup>2</sup> bà X đang ở. Hộ bà X thuộc diện giải tỏa, do trường học không xây dựng hết đất nên bà X tiếp tục ở lại và xây sửa căn nhà không kiên cố của bà H thành nhà gỗ 3 gian. Khi con trai bà Xoàn là ông Thống lập gia đình, bà Xoàn tiếp tục lấn chiếm đất trường học cất nhà cho vợ chồng ông Thống ra riêng. Do đã đưa đất cho nhà nước làm trường học nên bà B không nói gì. Phần đất diện tích 644,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 236, tờ bản đồ số 15 là đất công do UBND xã T quản lý, là phần đất xây dựng trường học không hết được nhà nước cho đo đạc để dễ quản lý. Đây không phải là đất của bà X và bà cũng không sử dụng hết phần đất trên, trong diện tích 644,5m<sup>2</sup> này có cả lối di chung cũ của ấp T nằm trọn vẹn trên căn nhà của ông Lê Hồng M là con trai của bà X. Ông M về lấn chiếm xây cất nhà từ năm 2005, đường đi chung của ấp Thạnh hiện tại đã lấn qua đất trạm bơm. Năm 2018, ông Minh tiếp tục lấn chiếm đất công, xây thêm nhà kiên cố cho con gái diện tích 108m<sup>2</sup>, UBND xã T có tới lập biên bản vào ngày 22/02/2018.

Báo cáo của Thanh tra huyện T số 03/BC-ĐTT ngày 22/10/2008 và kết luận của Chủ tịch UBND huyện T số 02/KL-CTUBND ngày 13/02/2009 với nội dung hộ bà X thuộc diện lấn chiếm đất công, đã tiến hành giải tỏa nhiều lần không thành, không giải tỏa được thì hợp thức hoá cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X. Do đó, bà H đã khiếu nại từ đó cho đến nay, mới được UBND tỉnh cho đối thoại vào ngày 20/3/2020.

Công văn trả lời số 1393/UBND-NC ngày 25/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre có nội dung diện tích 644,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 236, tờ bản đồ số 15, trước đây nằm trong phần diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup> đất ruộng của cha bà H là ông Hồ Văn Nguru đã sang nhượng phần đất trên cho bà Đặng Kim H vào năm 1977. Đến năm 1981 bà H sang nhượng đất lại cho bà X sử dụng. Năm 1984 UBND xã T quy hoạch khu vực đất này để làm trường học, trong đó có phần đất mà bà H đã sang nhượng cho bà X từ năm 1981 và bà Xoàn quản lý sử dụng cho đến nay. Nội dung công văn trên là không có căn cứ, bởi lẽ:

- Cha bà H đã bán cho bà H 1.000m<sup>2</sup> vào năm 1977, thì diện tích xây dựng trường học năm 1986 là 530m<sup>2</sup> cũng là đất của bà H đã mua của cha bà H. Theo Công văn số 15/CV- UBND ký ngày 24/03/2008 của UBND xã T thì ông Nguyễn Văn Trung chồng của bà B được nhà nước cấp đổi 1.000m<sup>2</sup> Lúa gốc đất từ ông Nguyễn Văn T; hiện diện tích cấp đổi này vợ chồng con gái ông Tr là Lê Văn Th và Nguyễn Thị Th quản lý sử dụng, đồng thời diện tích 280m<sup>2</sup> đất trường học sử dụng không hết đã được UBND xã T cho đo đạc và trả lại ông Trung, ông Trung chia cho con 280m<sup>2</sup> đất này nằm sát bên trường tiểu học Tân Phong, hiện vợ chồng con gái ông Tr là Nguyễn Đức H và Nguyễn Thị H quản lý sử dụng.

- Năm 1980 nhà nước có quyết định nghiêm cấm việc mua bán đất dưới bất kỳ hình thức nào, quyết định này có hiệu lực từ ngày ký 01/07/1980, nên năm 1981 bà H không thể bán cho bà X diện tích đất nào được.

- Giấy mua bán giữa bà X với bà H năm 1981 không ghi rõ diện tích là bao nhiêu, Chi bộ và phụ trách ấp Thạnh chứng sự thật vào ngày 25/8/1981 là: Đặng Kim H thiếu nợ tiền của Lê L (chồng bà X) ngụ tại ấp Q, xã Quí Điền, đồng ý chuồi nhà trừ số nợ cho chủ nợ.

- Phần diện tích 644,5m<sup>2</sup> có được là từ 75m<sup>2</sup> đất của bà H, bà X lấn chiếm đất công nên phần đất này là thuộc quyền quản lý của UBND xã.

- Khi đối thoại để ban hành công văn trên thì UBND tỉnh không cho bà H tham gia là không đúng quy định.

- Diện tích 644,5m<sup>2</sup> bao gồm 4 căn nhà gia đình bà X đã xây cất nhiều lần. Trong đó bà X lấn chiếm đất trường học, lấn chiếm đường đi chung cũ của ấp T và phần đất hiện còn bỏ trống khoảng 60m<sup>2</sup>. bà H khiếu nại việc hợp thức hoá cấp GCNQSDĐ cho bà X diện tích 644,5m<sup>2</sup>, từ khi có Báo cáo và kết luận của UBND huyện T cho đến nay, bà H yêu cầu nhà nước cấp trả lại phần diện tích còn bỏ trống mà trường học xây dựng không hết, nếu nhà nước không sử dụng tiếp nữa thì cấp trả lại cho chủ cũ, người đã đưa đất vô trung dụng làm trường học mới hợp pháp. bà H để lại cho bà X 75m<sup>2</sup> như lời hứa của cha bà H.

Nay bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án hủy Công văn số 1393/UBND-NC ngày 25/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.

***\*Theo văn bản số 2958/UBND-NC ngày 16/6/2020 của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre trình bày:***

Công văn số 1393/UBND-NC ngày 25/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre về việc trả lời đơn xin lại đất của bà Phan Thị H là không có cơ sở xem xét, giải quyết với lý do: Phần đất mà bà H có đơn xin lại có diện tích 644,5 m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế) thuộc thửa số 236, tờ bản đồ số 5 tại xã T (huyện T, tỉnh Bến Tre), diện tích 644,5 m<sup>2</sup> đất này có nguồn gốc của ông Hồ Văn Ng (cha bà H) và ông Ng đã sang nhượng lại cho bà Đặng Kim H vào năm 1977. Năm 1981, bà H sang nhượng phần diện tích 644,5 m<sup>2</sup> đất này cho bà Đặng Kim X sử dụng. Năm 1984, ủy ban nhân dân xã T có quy hoạch đất để làm trường học và trong đó có diện tích 644,5 m<sup>2</sup> đất nêu trên. Nhưng sau đó, địa phương không sử dụng diện tích 644,5 m<sup>2</sup> đất nêu trên xây trường học và bà Xoàn tiếp tục sử dụng phần đất này.

Đề nghị Toà án giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của bà H giữ y Công văn số 1393/UBND-NC ngày 25/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.

Theo văn bản số 464/UBND-VP ngày 04/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND xã T, huyện T trình bày:

Năm 1984, khi xã T được tách ra từ xã Đ. Nhà nước quy hoạch và xây dựng trường tiểu học Tân Phong, diện tích 5.600m<sup>2</sup> đã trưng dụng đất của 04 hộ dân. Trong đó có một phần diện tích đất có nguồn gốc của ông Hồ Văn Ng, nguyên quán ấp Thạnh, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre (Nay là ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre).

Vào thời điểm đo đạc, lập bản đồ địa chính năm 1994 (Hồ sơ 299). Trường tiểu học được đo đạc diện tích 5.600m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 592, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Thạnh (nay là ấp T) xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre do trường tiểu học đứng kê khai và đăng ký.

Đến năm 2004 đo đạc lập bản đồ địa chính chính trường tiểu học được đo đạc lại diện tích còn lại 3.087,9 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 214 tờ bản đồ số 15. Tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre do trường tiểu học đứng kê khai, đăng ký. Phần diện tích 2512.1m<sup>2</sup> bị mất do 05 (năm) hộ dân cất nhà ở trước năm 1984 Vị trí tiếp giáp với huyện lộ 24 và đồng thời từ khi trường tiểu học được xây dựng và đưa vào hoạt động cho đến nay bà Đặng Thị Xuân không khiếu nại gì.

Nội dung đơn khởi kiện của bà Phan Thị H yêu cầu hủy công văn số 1393/UBND-NC ngày 25/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre, UBND xã T không đồng ý, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà H giữ y công văn số 1393/UBND-NC ngày 25/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.

Theo bản tự khai, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Trường tiểu học Tân Phong, huyện T, ông Nguyễn Văn Thắng trình bày:

Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-PGDĐT ngày 13 tháng 9 năm 2012 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Thạnh Phú, ông được luân chuyển giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học Tân Phong cho đến nay. Khi nhận nhiệm vụ quản lý trường thì ông được quản lý phần đất diện tích 3.078 m<sup>2</sup> có hàng rào xung quanh thuộc ấp T, xã T, còn nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng phần đất diện tích 644,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa 236, tờ bản đồ số 15, xã T, huyện T theo yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H thì ông hoàn toàn không biết.

Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại, cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị X và ông Lê Hồng M cùng trình bày:

Phần đất diện tích 644,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa 236, tờ bản đồ số 15, xã T, huyện T là của ông Lê Lập (chồng bà X). Gia đình ông bà đã quản lý, sử dụng phần đất này

ổn định trên 40 năm, từ đó đến nay không ai tranh chấp. Việc bà H khiếu nại đòi đất đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre giải quyết tại công văn số 1393/UBND-NC ngày 25/3/2020. Do đó, việc bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ công văn trên là không có căn cứ, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại bản án hành chính số: 21/2020/HC –ST ngày 22/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32, Điều 79, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật đất đai 2013; Căn cứ Điều 21, 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại; Căn cứ Thông tư số 07/2013/TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định về quy trình giải quyết khiếu nại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc yêu cầu huỷ Công văn số 1393/UBND-NC ngày 25/3/2020 “V/v trả lời đơn xin lại đất của bà Phan Thị H, ở xã T, Thạnh Phú” của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/10/2020 bà Phan Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận một phần nội dung quyết định của bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của bà, sửa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do sau:

- Ông Lê Hồng M và bà Đặng Thị Xoàng không trả lời được phần đất đưa vào làm trường học là phần đất nào diện tích bao nhiêu, nếu bà X có hiến đất cho Nhà nước để làm trường học và đường đi thì bà phải biết được bà đã hiến bao nhiêu đất, cụ thể ở vị trí nào.

- Tại Công văn số 15/CV-UBND ngày 24/3/2008 của Ủy ban nhân dân xã T có nêu bà lần thêm ra đường đi 31,5m<sup>2</sup>, chi tiết 613m<sup>2</sup> đồng thời có nêu đất được đưa vào quy hoạch xây dựng trường học có nguồn gốc từ ông Nguyễn Văn Trung hiến tặng.

- Vào năm 1983 bà X ở ấp Thạnh, xã T không đưa đất vào tập đoàn sản xuất

***Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

Về hình thức: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính

Về nội dung: tại cấp phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bà Phan Thị H không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ được tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Trong hạn luật định, bà Phan Thị H có đơn kháng cáo nên được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Xét nội dung đơn kháng cáo, đơn khởi kiện của bà Phan Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 1393/UBND -NC ngày 25/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: UBND tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định 1393/UBND-NC ngày 25/3/2020, bà Phan Thị H khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định: Ngày 03/12/2019 Bà Phan Thị H nộp đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre xem xét lại phần đất diện tích 644.5m<sup>2</sup> thuộc thửa số 236, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Sau khi thẩm tra, xác minh nội dung đơn của bà H, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đã tổ chức đối thoại với bà H. Ngày 24/3/2020 UBND tỉnh Bến Tre có Thông báo số 445/TB-VPUBND có nội dung đơn xin lại phần đất 644,5m<sup>2</sup> không có cơ sở giải quyết.

[4] Về nội dung quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Qua đo đạc thực tế phần đất có diện tích 644,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 236, tờ bản đồ số 15 xã T huyện T hai bên thống nhất về nguồn gốc đất là của cụ Hồ Văn Ng là cha của bà Phan Thị H.

Bà Thúy đại diện theo ủy quyền của bà H trình bày năm 1978, cụ Hồ Văn Ng cho bà Đặng Kim H ở nhờ. UBND tỉnh Bến Tre thì cho rằng năm 1977 cụ Hồ Văn Ng đã bán cho bà Đặng Kim H diện tích đất nêu trên đến năm 1981 bà H bán lại cho ông Lê Lập là chồng của bà X. Cả hai đều không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Nhưng thực tế bà Đặng Kim H quản lý sử dụng phần đất này từ năm 1977, 1978 đến năm 1981 bà H bán lại căn nhà và phần đất trên cho ông Lê Lập là chồng bà Đặng Thị X. Việc mua bán có lập giấy tay, có xác nhận của chính quyền ấp Thạnh ngày 25/8/1981.

Bà Đặng Kim H cho rằng ông Ng chỉ cho bà ở nhờ chứ không bán đất cho bà và bà cũng không có bán đất cho bà X nhưng bà lại thừa nhận giấy bán nhà và đất ngày 25/8/1981.

Năm 1984, UBND xã T quy hoạch đất làm trường Tiểu học Tân Phong, phần đất của bà X đang quản lý sử dụng cất nhà ở cũng được quy hoạch làm trường học. Năm 1994, đo đạc lập bản đồ địa chính, trường Tiểu học Tân Phong được đo đạc có tổng diện tích là 5.600m<sup>2</sup> thuộc thửa 592 tờ bản đồ số 3. Thực tế trường xây dựng không hết diện tích, một số hộ dân vẫn còn ở lại trên phần đất này trong đó có hộ bà X.

Ngày 20/8/2003, trường Tiểu học Tân Phong được UBND tỉnh Bến Tre cấp “Giấy chứng nhận quyền quản lý sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp”, đối với phần đất diện tích 5.600m<sup>2</sup> thửa 592 tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp Thạnh, xã T, huyện T. Đến ngày 06/01/2004, UBND tỉnh Bến Tre ban hành quyết định số 37/QĐ-UB “Về việc hợp thức hóa và giao đất công cho UBND xã T quản lý”, hợp thức hóa 24.275m<sup>2</sup> đất xây dựng giao cho UBND xã T quản lý trong đó có thửa 592 tờ bản đồ số 3 nói trên. Như vậy, phần đất này đã là đất công do nhà nước quản lý.

Đến năm 2004, đo đạc lập bản đồ chính quy thì trường Tiểu học Tân Phong đo lại diện tích thực tế quản lý sử dụng là 3.087,9m<sup>2</sup>, thuộc thửa mới là thửa 214 tờ bản đồ số 15 tọa lạc ấp T, xã T, huyện T. Phần diện tích còn lại là 2.512,1m<sup>2</sup> do 5 hộ cất nhà ở từ trước năm 1984 đến nay, trong đó phần đất gia đình bà Đặng Thị X được đo tách ra từ thửa 592 của trường học là thửa 236 tờ bản đồ số 15 diện tích 644,5m<sup>2</sup>. Như vậy, gia đình bà Đặng Thị X cất nhà ở, quản lý phần đất công này từ năm 1984 đến nay và có đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong 05 hộ ở trên phần đất diện tích 2.512,1m<sup>2</sup> của trường học đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại do có tranh chấp đường đi nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bà H khiếu nại nên bà X chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được. Việc bà H cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha bà, Nhà nước trưng dụng làm trường học không hết và bà X lấn chiếm nên nay bà yêu cầu xem xét xin lại phần đất này là không có căn cứ.



Tại cấp phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà Phan Thị H là bà Nguyễn Thị Hồng Thúy không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của bà H. Vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị H

Do bà H là người cao tuổi thuộc diện được miễn giảm án phí, vì vậy về án phí phúc thẩm bà H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 74, Điều 75, Điều 83 và Điều 86 Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật đất đai 2013; Căn cứ Điều 21, 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại; Căn cứ Thông tư số 07/2013/TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định về quy trình giải quyết khiếu nại;

*Tuyên xử:*

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**1/** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc yêu cầu hủy Công văn số 1393/UBND-NC ngày 25/3/2020 “V/v trả lời đơn xin lại đất của bà Phan Thị H, ở xã T, Thạnh Phú” của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.

**2/** Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phan Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

**Nơi nhận:**

- \* Tòa án nhân dân Tối cao;
- \* VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- \* TAND tỉnh Bến Tre;
- \* VKSND tỉnh Bến Tre;
- \* Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre
- \* Các đương sự
- \* Lưu HS, Lưu LTHS, (17b);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Trí Tuấn**

